

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/DS-ST
Ngày: 23/4/2025
(V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Phước

2/. Bà Võ Tuyết Kha

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị D, sinh ngày 01/01/1957.

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Bà Lê Thị N.

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3/. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T.

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, bà N và ông T vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2024, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bà Ngô Thị D trình bày: Trước đây, do có nhu cầu vay tiền nên khoảng thời gian từ ngày 05/9/2019 đến ngày 07/01/2021 (âm lịch) vợ chồng ông T và bà N có hỏi vay của bà tổng số tiền 85.000.000 đồng gồm các lần cụ thể như sau:

+ Vào ngày 05/9/2019 (âm lịch), vợ chồng bà N và ông T hỏi vay của bà số tiền là 5.000.000 đồng.

+ Vào ngày 09/9/2019 (âm lịch), vợ chồng bà N và ông T hỏi vay của bà số tiền là 15.000.000 đồng.

+ Vào ngày 15/10/2019 (âm lịch), vợ chồng bà N và ông T hỏi vay của bà số tiền là 4.000.000 đồng.

+ Vào ngày 25/10/2019 (âm lịch), vợ chồng bà N và ông T hỏi vay của bà số tiền là 2.000.000 đồng.

+ Vào ngày 30/11/2019 (âm lịch), vợ chồng bà N và ông T hỏi vay của bà số tiền là 11.000.000 đồng.

+ Vào ngày 15/12/2019 (âm lịch), nhưng bà N lại ghi nhầm ngày 15/11/2019 vợ chồng bà N và ông T hỏi vay của bà số tiền là 10.000.000 đồng.

+ Vào ngày 02/01/2020 (âm lịch), vợ chồng bà N và ông T hỏi vay của bà số tiền là 13.000.000 đồng.

+ Vào ngày tháng năm nào tôi không nhớ chính xác, vợ chồng bà N và ông T hỏi vay của bà số tiền là 25.000.000 đồng.

Như vậy tổng 08 lần vay trên vợ chồng ông T và bà N còn nợ bà với tổng số tiền là 85.000.000 đồng. Khi vay số tiền trên hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng và có thỏa thuận khi nào cần số tiền này thì bà sẽ thông báo cho ông T và bà N biết trước một thời gian để chuẩn bị trả nợ cho bà. Từ khi vay số tiền trên của bà cho đến nay ông T và bà N không đóng lãi cũng như không trả số tiền gốc nào lại cho bà. Mặc dù bà đã rất nhiều lần đến nhắc nợ đối với ông T và bà N đối với số tiền trên nhưng ông T và bà N không có thiện chí trả nợ. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông T và bà N cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc là 85.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền trên kể từ ngày 07/01/2021 (âm lịch) nhằm ngày 18/02/2021 (dương lịch) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Đối với bị đơn bà Lê Thị N cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông T và bà N nhưng ông T và bà N không đến Tòa án và cũng không cung

cấp văn bản thể hiện ý kiến trình bày của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D đối với ông, bà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại các khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D. Buộc bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T cùng có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị D tổng số tiền là 156.069.444 đồng. Trong đó số tiền vay gốc là 85.000.000 đồng và tiền lãi suất là 71.069.444 đồng. Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà Ngô Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Lê Thị N. Bà N có địa chỉ cư trú tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[1.1] Đối với yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm của bà Ngô Thị D, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D.

[1.2] Đối với sự vắng mặt của bị đơn bà Lê Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng bà N và ông T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N và ông T theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D, yêu cầu bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay gốc là 85.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền trên kể từ ngày 07/01/2021 (âm lịch) nhằm ngày 18/02/2021 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện

của mình là có căn cứ và hợp pháp, bà D cung cấp cho Tòa án giấy nợ xác định từ ngày 05/9/2019 (âm lịch) đến ngày 07/01/2021 (âm lịch), ông T và bà N nhiều lần hỏi vay tiền của bà D với tổng số tiền vay là 85.000.000 đồng. Việc vay tiền này được bà N trực tiếp tự tay ghi vào sổ theo dõi nợ của bà D, đến ngày 07/01/2021 bà N ghi biên nhận để tổng lại số tiền còn thiếu bà D là 85.000.000 đồng.

[3] Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T. Nhưng ông T và bà N không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà D. Từ đó, cho thấy bà N và ông T đã thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với bà D nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật. Do đó, bà D yêu cầu bà N và ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà đối với số tiền 85.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính khoản tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật đối với số tiền gốc 85.000.000 đồng của bà D kể từ ngày 07/01/2021 (âm lịch) nhằm ngày 18/02/2021 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (23/4/2025). Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015 quy định: “2. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý”. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao dịch vay tiền giữa hai bên có xảy ra trên thực tế, các bên thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015 nên việc bà N và ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải trả lãi theo quy định của pháp luật. Do đó, việc bà D yêu cầu bà N và ông T trả tiền lãi của số tiền chậm trả trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 quy định: “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”

Cho nên, đối với sự thỏa thuận của các đương sự về mức lãi suất 5%/tháng (tương đương 60%/năm) này vượt cao hơn so với quy định của pháp luật cho nên khi phát sinh tranh chấp chỉ chấp nhận mức lãi suất là 20%/năm. Từ đó, căn cứ vào các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xem xét tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 18/02/2021 (dương lịch) cho đến ngày xét xử 23/4/2025 là được 04 năm 02 tháng 05 ngày x 1,66% x 85.000.000 đồng = 71.069.444 đồng.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Ngô Thị D đối với bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T. Buộc bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T cùng có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị D tổng số tiền là 156.069.444 đồng (Trong đó số tiền vay gốc là 85.000.000 đồng và số tiền lãi là 71.069.444 đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của bà Ngô Thị D được chấp nhận nên bà D không phải chịu án phí. Bà Ngô Thị D là người cao tuổi và có đơn yêu cầu xin miễn, giảm án phí nên bà D thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T cùng có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 7.803.400 đồng (Bảy triệu tám trăm lẻ ba nghìn bốn trăm đồng).

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ nêu trên;HJohH

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 143, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D đối với bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2/. Buộc bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T cùng có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị D tổng số tiền là 156.069.444 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu không trăm sáu

mười chín nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó số tiền vay gốc là 85.000.000 đồng và số tiền lãi là 71.069.444 đồng.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của bà Ngô Thị D được chấp nhận nên bà D không phải chịu án phí. Bà Ngô Thị D là người cao tuổi và có đơn yêu cầu xin miễn, giảm án phí nên bà D thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T cùng có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 7.803.400 đồng (Bảy triệu tám trăm lẻ ba nghìn bốn trăm đồng).

4/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5/. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Danh Văn An